

Bản án số: 180/2020/HSST
Ngày: 24/11/2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Chính

2. Ông Dương Văn Quý.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Hồng Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh:* Bà Lê Thị Liễu – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 186/2020/HSST, ngày 19 tháng 10 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2020, đối với:

1. Bị cáo **Lê Văn V**, sinh năm 1984 (tên gọi khác: không có), tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 16/3 ấp 3, xã X, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Lê Văn D và bà Đặng Thị T; có vợ tên Nguyễn Thị Hồng H; có 03 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2009; Bị cáo không có anh chị em ruột.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Năm 2018 bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn phạt 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 49/2018/HSST ngày 03/4/2018.

Bị cáo áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/7/2020. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo **Ngô Thị H1**, sinh năm 1993 (tên gọi khác: không có), tại T3; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: phố Thành Yên, phường Q, Tp. T2, tỉnh T3; chỗ ở: 72 đường số 18, khu phố 2, phường B, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Ngô Văn K và bà Phạm Thị Đ; có

chồng tên Bùi Duy Đ2i; có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013; Bị cáo 04 anh chị em kể cả bị cáo. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 14/7/2020 đến ngày 23/7/2020 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Trần Mạnh N, sinh năm 1992. Thường trú: 78/4A Phan Tây Hồ, phường 7, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ ngày 14/7/2020, bị cáo Lê Văn V đi bộ mang theo kìm bấm để tìm kiếm tài sản trộm cắp. Khi đi đến nhà không số thuộc tổ 12, ấp 2, xã X, huyện Hóc Môn thì bị cáo V phát hiện có 02 xe máy để trước sân nhà có cấm sẵn chìa khóa, bị cáo V bẻ khóa cửa cổng đột nhập vào trong lấy trộm xe máy hiệu Future Neo biển số 59E1-476.98 của chị Trần Thị N2 đẩy ra ngoài rồi nổ máy tẩu thoát về gần nhà thuộc ấp 3, xã X cất giấu. Sau đó, bị cáo V đi bộ về nhà lấy 02 biển số xe giả (biển số 76X5-3402, 78B1-020.26) rồi đi ra chỗ cất giấu xe Future Neo tháo biển số xe và thay bằng biển số giả 76X5-3402. Tiếp tục, bị cáo V đi bộ quay lại căn nhà nêu trên trộm tiếp xe máy hiệu Yamaha Exciter biển số 59E1-458.11 của anh Trần Mạnh N, chạy ra ngoài dừng lại tháo biển số xe và thay bằng biển số giả 78B1-020.26 rồi đem xe đến nhà bị cáo Ngô Thị H1 và bán xe Yamaha Exciter cho bị cáo H1 với giá 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng). Khi bán xe cho bị cáo H1 xong thì bị cáo V chuộc lại gần máy Max đã cầm cố cho bị cáo H1 trước đó. Sau đó, bị cáo V tiếp tục quay lại chỗ giấu xe máy hiệu Futere Neo lấy xe đem đến bán cho bị cáo H1 với giá 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Bị cáo Ngô Thị H1 biết 02 xe máy do bị cáo V trộm cắp mà có vì cả hai xe không có giấy tờ và bị cáo V bán với giá rẻ, đồng thời bị cáo V bán liên tục nhiều xe, nhưng vì ham lợi nên bị cáo H1 vẫn mua để bán lại kiếm lời.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra bị cáo Vũ và bị cáo H1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai bị hại, và vật chứng thu giữ cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại kết luận định giá tài sản số 142/KL-HDDGTS ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự: 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter, màu xanh trắng, xe được sản xuất lắp ráp trong nước số khung EY-359313, số máy 55P1359329, mang biển số 59E1-458.11 trị giá 17.000.000 đồng và 01 xe gắn máy hiệu Honda Future Neo, màu đen – xám – bạc, xe được sản xuất, lắp ráp trong nước; số khung 5097Y-042572, số máy C35E-0442586, mang biển số 59E1-476.98 trị giá 12.000.000 đồng (BL113, 114).

Đối với biển số xe 76X5-3402 và 78B1-020.26, bị cáo V khai lượm được, qua xác minh không có trong dữ liệu của Công an huyện Hóc Môn (BL125,

126). Riêng tìm kiếm mà bị cáo V dùng để phạm tội bị mất nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được.

Về dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe máy hiệu Future Neo số khung 04257201 số máy 0442586; 01 xe máy hiệu Yamaha Exciter số khung 359313 số máy 359329 (đã trả lại chủ sở hữu).

- 01 biển số xe 76X5-3402, 01 biển số xe 78B1-020.26 là biển số giả.

Tại bản cáo trạng số 183/CT-VKS-HS ngày 16 tháng 10 năm 2020 cũng như tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Văn V về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự), truy tố bị cáo Ngô Thị H1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự; Đồng thời, phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo Lê Văn V mức án từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm tù và áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của Bản án số 49/ 2018/HS-ST ngày 03/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn buộc bị cáo phải chấp hành; căn cứ khoản 1 Điều 323; Điều 36; điểm i, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo Ngô Thị H1 mức án từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và đã có đơn xin vắng mặt đồng thời thể hiện ý kiến không có yêu cầu gì về phần dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Tại phiên Tòa, bị cáo Lê Văn V và bị cáo Ngô Thị H1 không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo V: bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo H1: bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hóc Môn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ

tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên Tòa, qua phần hỏi và tranh tụng công khai, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở xác định bị cáo Lê Văn V đã có hành vi nhiều lần lén lút chiếm đoạt tài sản gồm 02 chiếc xe mô tô có tổng giá trị 29.000.000 đồng của anh Trần Mạnh N tại nhà không số, tổ 12, ấp 2, xã X, huyện Hóc Môn. Bị cáo Ngô Thị H1 biết 02 xe mô tô do bị cáo V trộm cắp mà có nhưng vẫn mua lại của bị cáo V 02 chiếc xe với giá 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Hành vi nêu trên của bị cáo V đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, bị cáo H đã phạm vào tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn truy tố cả hai bị cáo Lê Văn V và Ngô Thị H tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội.

[4] Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn góp phần làm xấu đi tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bản thân các bị cáo nhận thức rất rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nhưng lười lao động, háms lợi nên các bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần phải được xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo V phạm tội 02 lần trở lên thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự và phạm tội liên tục chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội thuộc trường hợp tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Hà phạm tội 02 lần trở lên thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo V tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thuộc trường hợp quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Ngô Thị H phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thuộc trường hợp quy định tại điểm s, h, i khoản 1 Điều

51 của Bộ luật hình sự; đồng thời, bị cáo H chưa có tiền án tiền sự, có nhân thân tốt và đang nuôi con nhỏ thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, thấy rằng:

Bị cáo V có nhân thân xấu: Năm 2003 bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn phạt 01 năm tù về tội Cố ý gây thương tích theo Bản án số 85/ST-HS ngày 09/10/2003, nhiều tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là phù hợp. Đồng thời, bị cáo đang chấp hành án treo theo Bản án số 49/2018/HS-ST ngày 03/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn nhưng lại tiếp tục phạm tội nên cần áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của bản án số 49/2018/HS-ST buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù chung cho cả hai bản án.

Xét bị cáo H1 có nhân thân tốt, nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian cho tại ngoại không phạm tội nào khác, hành vi phạm tội ít nguy hiểm có thể tự cải tạo bản thân để trở thành công dân tốt cho xã hội nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù với bị cáo mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là phù hợp.

Trong thời gian chấp hành án, bị cáo Ngô Thị H1 phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng. Trường hợp cáo Ngô Thị H1 không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần. Tuy nhiên, xét bị cáo H1 có hoàn cảnh khó khăn, không có việc làm ổn định nên cần miễn khoản khấu trừ thu nhập cho bị cáo trong thời gian chấp hành án là có cơ sở.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 biển số xe 76X5-3402, 01 biển số xe 78B1-020.26.
- Số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) Việt Nam là tiền thu lợi bất chính mà bị cáo V đã có được từ việc thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho người bị hại. Ngoài ra bị hại không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 cần buộc bị cáo Thông và bị cáo Hà phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Ngô Thị H1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Văn V 02 (hai) năm tù. Tổng hợp hình phạt của bản án số 49/2018/HS-ST ngày 03/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, buộc bị cáo V phải chấp hành hình phạt chung là 4 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/7/2020 nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam của bản án số 49/2018/HS-ST từ ngày 23/9/2017 đến ngày 08/02/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điều 36; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Ngô Thị H1 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 14/7/2020 đến ngày 23/7/2020 quy đổi bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Ngô Thị H1 cho Ủy ban nhân dân phường B, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Ngô Thị H có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường B, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Ngô Thị H1.

Miễn khoản khấu trừ thu nhập cho bị cáo trong thời gian chấp hành án.

Bị cáo Ngô Thị H1 phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

2. Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 biển số xe 76X5-3402, 01 biển số xe 78B1-020.26 Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

- Buộc bị cáo V nộp lại số tiền 10.000.000 đ (mười triệu) đồng vào ngân sách nhà nước.

3. Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016: Buộc bị cáo Lê Văn V và bị cáo Ngô Thị H1 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Công an huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Phòng PC 27;
- UBND phường B, quận B1, Tp. HCM;
- Bị cáo;
- Lưu: Vp, hồ sơ. (20b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thanh Thủy